

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc dự thảo Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng được quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá số 16/2023/QH15 và mục số 37 Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 140/2025/QH15.

Những nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật**

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng bao gồm tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể của dịch vụ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 2 Điều 4;
- Vụ pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH Hải Phòng; CĐ ANHP;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Phòng: NNMT; NVKTGS;
- Lưu: VT, T L Khiết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

**Phụ lục**

**ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ  
VỆ SINH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Tên gọi chi tiết		Chủng loại cụ thể
<b>Dịch vụ vệ sinh công cộng</b>	1	Thu gom thủ công chất thải rắn trên đường phố ban ngày.
	2	Quét, gom thủ công chất thải rắn trên đường phố, quét đường.
	3	Quét, gom thủ công chất thải rắn trên đường phố, quét hè.
	4	Duy trì thủ công dải phân cách.
	5	Duy trì cơ giới dải phân cách.
	6	Tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở góc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch.
	7	Quét rác đường phố bằng cơ giới.
	8	Tưới nước rửa đường.
	9	Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường.
	10	Duy trì nhà vệ sinh công cộng.
	11	Duy trì vệ sinh bãi biển.
	12	Duy trì vệ sinh bãi cạn trên vịnh Cát Bà.
	13	Duy trì vệ sinh trên vịnh Cát Bà.